

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-PT

Ngày: 19 - 8 - 2026

"V/v: Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Các Thẩm phán: Ông Trần Anh Tuấn và bà Đoàn Thị Kim Thương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2026, tại Hội trường xét xử dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 17/2026/TLPT-HNGĐ ngày 15/7/2026, về việc “Ly hôn” do Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 30/2026/HNGĐ-ST ngày 04/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phan Hồng T**, sinh năm 1962; Nơi cư trú: **Thôn T, xã G, tỉnh Quảng Trị**. Có mặt.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1968; Nơi cư trú: **Thôn T, xã G, tỉnh Quảng Trị**. Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà **Nguyễn Thị H**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 06/01/2026, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông **Phan Hồng T** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Phan Hồng T** và bà **Nguyễn Thị H** đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 30/01/1993 tại **Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị** (Nay là **UBND xã G, Quảng Trị**). Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2009 phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2020 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống, bà **H** không quan tâm đến bản thân ông **T** và gia đình ông **T**, có những lời nói xúc phạm đến ông **T** và gia đình ông **T**, làm cho mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, không thể khắc phục được. Mặt khác, tính cách vợ chồng không hợp nhau nên không thể sống chung. Nay, thời gian ly thân đã lâu, ông **T** xác định vợ chồng không còn tình cảm và

không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn bà H.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung: Phan Hồng Việt P, sinh năm 1992; Phan Hồng Ánh D, sinh năm 1996 và Phan Hồng Ánh N, sinh năm 1999. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, các con đã thành niên nên ông Phan Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Vợ chồng có quá trình kết hôn và có các con chung đúng như ông T đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, nay vợ chồng vẫn còn tình cảm và vì con cái nên bà H có nguyện vọng xin được đoàn tụ gia đình.

Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 30/2026/HNGĐ-ST ngày 04/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; sửa đổi bổ sung “Điều 35 Thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực” quy định tại Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí, Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Phan Hồng T được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Đã thành niên.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo bản án cho các đương sự.

Ngày 17/6/2026, bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo bản án. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét: Bà không đồng ý ly hôn và muốn vợ chồng đoàn tụ để chăm sóc, động viên nhau vượt qua khó khăn, thử thách của cuộc sống, không làm tổn thương đến con cái.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị H giữ nguyên kháng cáo. Nguyên đơn ông Phan Hồng T yêu cầu Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, người tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định và những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự tại phiên tòa. Có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, đã sống ly thân, không quan tâm lo lắng gì cho nhau, nên tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung hai bên không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế cuộc sống chung của vợ chồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà **Nguyễn Thị H**. Giữ nguyên bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 30/2026/HNGĐ-ST ngày 04/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Quảng Trị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm, ý kiến của các đương sự đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định, đảm bảo về hình thức, nội dung và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn bà **Nguyễn Thị H** được chấp nhận để xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hôn nhân giữa ông **Phan Hồng T** và bà **Nguyễn Thị H**: Tại hồ sơ vụ án không thu thập được giấy chứng nhận kết hôn bản gốc của ông **T**, bà **H**. Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án; tài liệu xác minh tại **UBND xã G** cung cấp thông tin: Qua kết quả tra cứu hồ tịch lưu trữ về đăng ký kết hôn và phân mềm hồ tịch do **UBND xã G** đang quản lý không thể hiện thông tin đăng ký kết hôn của ông **Phan Hồng T** và bà **Nguyễn Thị H**. Tuy nhiên, xem xét hồ sơ dân sự sơ thẩm số 45/2025/DS-ST ngày 18/4/2025 của TAND khu vực 8, tỉnh Quảng Trị giải quyết trước đây về việc “Yêu cầu không công nhận là vợ chồng” giữa nguyên đơn ông **Phan Hồng T** với bị đơn bà **Nguyễn Thị H**. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2025/DS-ST ngày 24/10/2025 của TAND khu vực 8, tỉnh Quảng Trị, tuyên xử không công nhận nguyên đơn ông **Phan Hồng T** với bị đơn bà **Nguyễn Thị H** là vợ chồng. Bà **H** kháng cáo cho rằng: Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Quảng Trị xét xử không công nhận vợ chồng là không đúng, vì bà **H** và ông **T** có đăng ký kết hôn năm 1993 tại **UBND xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị** (cũ), kèm theo đơn kháng cáo bà **H** giao nộp cho cấp phúc thẩm: Giấy chứng nhận kết hôn được **UBND xã Á**, tỉnh Quảng Trị chứng thực (bản sao). Tại phiên tòa phúc thẩm, do nguyên đơn ông **Phan Hồng T** rút đơn khởi kiện, bị đơn bà **Nguyễn Thị H** rút đơn kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự.

Nay ông **T** khởi kiện lại đề yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 8 giải quyết ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu bà **H** giao nộp Giấy chứng nhận kết hôn bản gốc, nhưng bà **H** không giao nộp. Theo biên bản xác minh ngày 14/4/2026 tại **UBND xã Á**, tỉnh Quảng Trị cung cấp: Ngày 22/9/2025, bà

Nguyễn Thị H, sinh năm 1968, địa chỉ: Thôn T, xã G, tỉnh Quảng Trị có đưa Giấy chứng nhận kết hôn bản gốc ngày 30/01/1993 về việc Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị (cũ) chứng nhận kết hôn giữa ông Phan Hồng T và bà Nguyễn Thị H đến tại UBND xã A, tỉnh Quảng Trị để chứng thực.

Như vậy, mặc dù không có giấy chứng nhận kết hôn bản gốc, tuy nhiên căn cứ vào việc xác nhận của UBND xã A, tỉnh Quảng Trị cũng như tiến trình bà H kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2025/DS-ST ngày 24/10/2025 của TAND Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị có cơ sở khẳng định: Ông Phan Hồng T và bà Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 30/01/1993 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị (Nay là UBND xã G, tỉnh Quảng Trị). Việc đăng ký kết hôn là hợp pháp nên ông T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét tình trạng hôn nhân gia đình giữa ông T, bà H thấy rằng: Ông T và bà H đều thừa nhận trong đời sống hôn nhân có mâu thuẫn, ông T cho rằng nguyên nhân là bà H thiếu quan tâm đến ông và gia đình, có những lời nói xúc phạm đến ông và gia đình còn bà H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T ngoại tình, bà H chỉ nói những lời khuyên ngăn đối với ông T. Hiện tại ông T và bà H đã sống ly thân, bỏ mặc không còn quan tâm đến nhau. Nay ông T cương quyết yêu cầu được ly hôn, bà H yêu cầu được đoàn tụ gia đình vì con cái nhưng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm, yêu thương chăm sóc lẫn nhau, chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông T và bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho ông T được ly hôn bà H là có căn cứ. Bà H kháng cáo bản án sơ thẩm, cho rằng vợ chồng vẫn còn tình cảm, hiện bà bị đau ốm nên không đồng ý ly hôn và muốn vợ chồng đoàn tụ để chăm sóc, động viên nhau vượt qua khó khăn, thử thách của cuộc sống, không làm tổn thương đến con cái. Tuy nhiên, bà H không đưa ra được phương án, giải pháp gì để nhằm cải thiện mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng mà vẫn sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên không chấp nhận kháng cáo xin đoàn tụ của bà H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình và điều kiện thực tế tình cảm vợ chồng của hai bên.

- Về con chung: Các bên đương sự đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là Phan Hồng Việt P, sinh năm 1992; Phan Hồng Ánh D, sinh năm 1996 và Phan Hồng Ánh N, sinh năm 1999. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích, nhận định ở trên. Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H, chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Giữ nguyên bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số

30/2026/HNGĐ-ST ngày 04/6/2026 của Toà án nhân dân khu vực 8, tỉnh Quảng Trị.

[3] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn bà **Nguyễn Thị H** không được Tòa án chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà **Nguyễn Thị H**.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 30/2026/HNGĐ-ST ngày 04/6/2026 của Toà án nhân dân khu vực 8, tỉnh Quảng Trị.

2. Án phí phúc thẩm: Bị đơn bà **Nguyễn Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà **H** đã nộp tại Biên lai số: 0003233 ngày 24/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- TAND Khu vực 8, T. Q Trị;
- VKSND Khu vực 8, T.Q Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa DS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Hải